

Chuyên đề 6: Bản chất của ngân sách nhà nước? Phân tích vai trò của ngân sách nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

1. Ngân sách nhà nước.

❖ Khái niệm:

Theo luật Ngân sách Nhà nước, Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

Ngân sách nhà nước gồm hai hoạt động là thu và chi ngân sách.

❖ Hoạt động thu ngân sách nhà nước:

▪ Khái niệm:

Về mặt bản chất, thu ngân sách Nhà nước là hệ thống các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước huy động các nguồn tài chính để hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của mình.

▪ Nội dung thu ngân sách nhà nước:

➤ Thu thuế

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc cho nhà nước do luật định đối với các pháp nhân và thể nhân nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

➤ Thu từ hoạt động kinh tế của nhà nước.

- Thu lợi tức từ vốn góp của nhà nước vào các cơ sở kinh tế.
- Tiền thu hồi vốn của nhà nước tại các cơ sở kinh tế cũng là một nguồn thu của ngân sách nhà nước trong điều kiện của cơ chế kinh tế thị trường. Khoản thu này phản ánh sự hoạt động kinh tế đa dạng của nhà nước và biểu hiện dưới nhiều hình thức phong phú như sau:

- + Thu từ bán tài sản của nhà nước đã cho các chủ thể trong xã hội thuê trước đây.
- + Thu từ sử dụng vốn thuộc nguồn của ngân sách nhà nước.
- + Thu từ bán lại các cơ sở kinh tế của nhà nước cho các thành phần kinh tế.
- + Thu từ cho thuê hoặc bán tài nguyên thiên nhiên.

➤ Thu lệ phí và phí.

Lệ phí và phí là các khoản thu tuy chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng nguồn thu của ngân sách nhà nước, song vẫn được huy động và khai thác nguồn thu đưa vào ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng của Nhà nước.

Lệ phí là khoản thu bắt buộc với các pháp nhân và thể nhân nhằm một mặt vừa bù đắp cho chi phí hoạt động hành chính mà nhà nước cấp cho các pháp nhân và thể nhân đồng thời vừa mang tính chất là khoản động viên, sự đóng góp cho NSNN. VD: lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, lệ phí công chứng,...

Phí là khoản thu mang tính bù đắp một phần chi thường xuyên và bất thường về các dịch vụ công cộng hoặc bù đắp chi phí cho các hoạt động duy trì, tu bổ các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho người nộp phí.

➤ *Vay nợ của chính phủ.*

- *Vay nợ trong nước:* gồm cả vay của tầng lớp dân cư, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội trong nước được thực hiện dưới hình thức phát hành các công cụ nợ của chính phủ (ngắn hạn, trung và dài hạn) như các tín phiếu kho bạc Nhà nước, trái phiếu chính phủ.

- *Vay ngoài nước:* thực hiện thông qua các khoản viện trợ có hoàn lại (một phần quan trọng trong nguồn vốn ODA), vay nợ của chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các công ty.

❖ **Hoạt động chi ngân sách nhà nước.**

▪ **Khái niệm:**

Chi ngân sách Nhà nước thể hiện các quan hệ tiền tệ phát sinh trong quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng kinh tế – xã hội mà Nhà nước đảm nhận.

▪ **Nội dung chi ngân sách:**

➤ *Chi thường xuyên.*

Các khoản chi thường xuyên mang tính chất là các khoản chi tiêu dùng xã hội, nhằm đảm bảo cho bộ máy nhà nước tồn tại và hoạt động, bao gồm các khoản chi cơ bản sau:

- *Chi sự nghiệp.*

+ Chi sự nghiệp kinh tế, bao gồm các khoản: chi về sự nghiệp giao thông, sự nghiệp nông nghiệp, sự nghiệp thủy lợi, sự nghiệp lâm nghiệp,... Chi về tiền lương và phụ cấp cho viên chức, chi cho phúc lợi tập thể; chi cho nguyên nhiên vật liệu dùng trong các đơn vị sự nghiệp kinh tế,...

+ Chi cho sự nghiệp văn hóa xã hội bao gồm: chi về khoa học công nghệ; chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo; chi cho sự nghiệp y tế; chi cho sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật, thể thao; chi cho sự nghiệp xã hội.

- *Chi quản lý nhà nước:* Đây là các khoản chi nhằm đảm bảo sự hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- *Chi cho quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.*

➤ *Chi đầu tư phát triển:* Khoản chi này mang tính chất tích lũy, có ảnh hưởng trực tiếp đến tăng năng suất xã hội và góp phần làm cho kinh tế tăng trưởng.

Chi đầu tư phát triển bao gồm những khoản chi cơ bản sau:

+ Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.

- + Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước.
- + Chi góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh vào các doanh nghiệp.
- + Chi dự trữ Nhà nước.
- *Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay.*
- Trả nợ trong nước.
- Trả nợ nước ngoài.

2. Bản chất của ngân sách nhà nước.

❖ **Về mặt pháp lí:** bản chất ngân sách nhà nước là dự trù các khoản thu, chi của nhà nước trong 1 năm.

Ngân sách Nhà nước ra đời cùng với sự xuất hiện của Nhà nước. Nhà nước bằng quyền lực chính trị và xuất phát từ nhu cầu về tài chính để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình đã đặt ra những khoản thu, chi của Ngân sách Nhà nước. Điều này cho thấy chính sự tồn tại của Nhà nước, vai trò của Nhà nước đối với đời sống kinh tế xã hội là những yếu tố cơ bản quyết định sự tồn tại và tính chất hoạt động của Ngân sách Nhà nước.

❖ **Về mặt kinh tế:** bản chất ngân sách nhà nước là hoạt động phân phối các nguồn tài chính quốc gia.

Hoạt động của Ngân sách Nhà nước biểu hiện đa dạng dưới hình thức các khoản thu và các khoản chi tài chính của Nhà nước ở các lĩnh vực hoạt động kinh tế xã hội. Các khoản thu chi này được tổng hợp trong một bảng dự toán thu chi tài chính được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Các khoản thu mang tính chất bắt buộc của Ngân sách Nhà nước là một bộ phận các nguồn tài chính chủ yếu được tạo ra thông qua việc phân phối thu nhập quốc dân được sáng tạo ra trong khu vực sản xuất kinh doanh và các khoản chi chủ yếu của Ngân sách mang tính chất cấp phát phục vụ cho đầu tư phát triển và tiêu dùng của xã hội.

❖ **Về tính chất xã hội:** bản chất của ngân sách nhà nước là công cụ kinh tế của Nhà nước.

Trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của xã hội đã làm nảy sinh các quan hệ tài chính giữa một bên là nhà nước và một bên là các chủ thể trong xã hội. Những quan hệ tài chính này bao gồm:

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các doanh nghiệp: Các quan hệ kinh tế này phát sinh trong quá trình hình thành nguồn thu của Ngân sách dưới hình thức các loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp. Đồng thời, Ngân sách chi hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp dưới hình thức xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vốn...

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN và các đơn vị hành chính sự nghiệp: Quan hệ này phát sinh trong quá trình phân phối lại các khoản thu nhập bằng việc Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho các đơn vị quản lý nhà nước. Đồng thời, trong cơ chế kinh tế thị trường các đơn vị có hoạt động sự nghiệp có các khoản thu phí và lệ phí, nguồn thu này một phần các đơn vị làm nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách, một phần trang trải các khoản chi tiêu của mình để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách.

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các tầng lớp dân cư: Quan hệ này được thể hiện qua việc một bộ phận dân cư thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước bằng việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí. Một bộ phận dân cư khác nhận từ ngân sách nhà nước các khoản trợ cấp theo chính sách qui định.

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với thị trường tài chính: Quan hệ này phát sinh khi nhà nước tham gia trên thị trường tài chính bằng việc phát hành các loại chứng khoán của kho bạc nhà nước nhằm huy động vốn của các chủ thể trong xã hội để đáp ứng yêu cầu cân đối vốn của ngân sách nhà nước.

Như vậy, đằng sau hình thức biểu hiện bên ngoài của Ngân sách nhà nước là một quỹ tiền tệ với các khoản thu và các khoản chi của nó thì Ngân sách nhà nước lại phản ánh các quan hệ kinh tế trong quá trình phân phối. Từ sự phân tích trên cho thấy: Ngân sách nhà nước là hệ thống các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của xã hội để tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

3. Phân tích vai trò Ngân sách nhà nước là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Vai trò này được thể hiện trên 3 khía cạnh sau:

▪ Kích thích tăng trưởng kinh tế.

- Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn kinh phí để Nhà nước đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng như: cầu đường, bến cảng, sân bay, hệ thống thông tin liên lạc,... đầu tư cho các ngành kinh tế trọng điểm mũi nhọn.

Ở Việt nam trong những năm gần đây Nhà nước đã đầu tư nâng cấp đường xá, xây dựng cầu cống như: cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu,... để kích thích đầu tư từ các công ty nước bạn. Nhà nước đầu tư vào các ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn là ngành nông nghiệp mà đặc biệt đó là cây lúa nước, do nước ta có thời tiết, khí hậu thuận lợi cho việc trồng cây lúa nước và có vùng đồng bằng rất phù sa, màu mỡ và rộng lớn thuận lợi cho việc trồng và phát triển cây lúa nước. Vì đây là ngành đem lại sự phát triển nền kinh tế của nước ta. Bên cạnh còn có ngành thủy hải sản.

- Hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết đảm bảo cho sự ổn định về cơ cấu hoặc chuẩn bị chuyển đổi sang cơ cấu mới hợp lí hơn.

- Tùy theo tình hình kinh tế của quốc gia trong từng thời kỳ mà chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp. Như nước ta hiện nay Nhà nước đang từng bước chuyển dịch cơ cấu từ nền kinh tế Nông – Lâm – Ngư sang nền kinh tế công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ, và phấn đấu đến năm 2010 nước ta trở thành nước công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp để giúp cho các doanh nghiệp mở rộng qui mô sản xuất góp phần làm cho nền kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển.

- Thuế cũng góp phần định hướng phát triển sản xuất. Việc đặt ra các loại thuế suất ưu đãi, các quy định miễn giảm thuế,... có tác dụng kích thích mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư vào nơi cần thiết, ngược lại một chính sách thuế khắc khe sẽ giảm bớt luồng di chuyển vốn vào nơi cần hạn chế sản xuất kinh doanh.

VD: Ở Việt nam muốn phát triển sản xuất ngành mũi nhọn của mình thì Nhà nước phải áp dụng các chính sách như: giảm thuế, không thu thuế GTGT để kích thích xuất khẩu,... còn đối với những mặt hàng Nhà nước hạn chế sản xuất định hướng tiết kiệm cho người dân như: rượu, bia, thuốc lá, xe hơi, dịch vụ Karaoke, ... thì nhà nước đánh thuế rất cao.

- Tranh thủ các nguồn vay trong và ngoài nước để tạo thêm nguồn vốn cho nền kinh tế nhằm thỏa mãn cho nhu cầu đầu tư phát triển.

Ở Việt nam cũng có phát hành trái phiếu chính phủ để hỗ trợ cho các cơ quan như: trường học, y tế,...

▪ ***Điều tiết thị trường giá cả và chống lạm phát.***

Hai yếu tố cơ bản của thị trường là cung cầu và giá cả thường xuyên tác động lẫn nhau và chi phối mạnh sự hoạt động của thị trường. Sự mất cân đối giữa cung và cầu sẽ tác động đến giá cả, làm cho giá cả tăng hoặc giảm đột biến gây ra biến động trên thị trường. Để đảm bảo lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng Nhà nước sử dụng ngân sách để can thiệp vào thị trường thông qua các khoản chi của Ngân sách Nhà nước dưới hình thức tài trợ vốn, trợ giá và sử dụng các quỹ dự trữ Nhà nước về hàng hóa và dự trữ tài chính.

VD: Trong những năm gần đây trên thế giới giá xăng dầu tăng cao nhưng Nhà nước Việt nam đã trợ giá không cho giá xăng dầu tăng giá để giảm bớt lạm phát vì nếu tăng giá thì giá của các loại hàng hóa cũng sẽ tăng gây ra lạm phát và ảnh hưởng đến đời sống của người dân, trợ giá cho nông nghiệp: khi giá gạo giảm làm cho người dân không yên tâm sản xuất nên Nhà nước đã hỗ trợ giá bằng cách yêu cầu các doanh nghiệp thu mua lúa ở mức giá mà người dân không bị thiệt để họ yên tâm trong sản xuất.

Trong quá trình điều chỉnh thị trường NSNN còn tác động đến sự hoạt động của thị trường tiền tệ, thị trường vốn và trên cơ sở đó thực hiện giảm lạm phát, kiểm soát lạm phát.

- Khi có lạm phát: Nhà nước rút tiền vào Ngân hàng bằng cách tăng lãi suất tiền gửi ngân hàng.

- Để chống lạm phát Nhà nước áp dụng các biện pháp: giải quyết cân đối NSNN, khai thác các nguồn vốn vay trong và ngoài nước dưới hình thức phát hành trái phiếu chính phủ, thu hút viện trợ nước ngoài, tham gia trên thị trường vốn với tư cách là người mua và bán chứng khoán.

▪ ***Điều tiết thu nhập dân cư để góp phần thực hiện công bằng xã hội.***

Trong xã hội nào cũng có sự phân chia giàu nghèo, Nhà nước cần phải có chính sách phân phối lại thu nhập hợp lý nhằm giảm bớt khoảng cách chênh lệch về thu nhập trong dân cư. Ngân sách Nhà nước là một công cụ tài chính hữu hiệu được Nhà nước sử dụng để điều tiết thu nhập của dân cư trên phạm vi toàn xã hội ở cả hai mặt thu và chi bằng việc áp dụng thuế trực thu, thuế gián thu, chi phúc lợi công cộng, chi trợ cấp với bộ phận dân cư nằm trong diện thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước.

Ở nước ta hiện nay Nhà nước khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp bằng cách cho vay, hỗ trợ vốn, giảm thuế,... Nhưng có thu nhập cao thì người dân phải nộp thuế thu nhập và phí lệ phí cho Nhà nước. Nhà nước dùng tiền đó đầu tư vào chính sách xã hội như: về giáo dục: hiện nay nước ta đã hoàn thành phổ cập giáo dục cấp II, trợ cấp cho những gia đình thuộc diện chính sách...

Chuyên đề 7: Thâm hụt ngân sách là gì? Trình bày nguyên nhân và những giải pháp khắc phục thâm hụt ngân sách nhà nước. Giải pháp nào được xem là hiệu quả đối với Việt Nam hiện nay?

1. Khái niệm thâm hụt ngân sách.

Thâm hụt ngân sách hay còn gọi là bội chi ngân sách nhà nước là tình trạng tổng chi tiêu của ngân sách nhà nước vượt quá các khoản thu “không mang tính hoàn trả” của ngân sách nhà nước.

Thâm hụt ngân sách được phân thành 2 loại: thâm hụt cơ cấu và thâm hụt chu kỳ.

- *Thâm hụt cơ cấu*: là các khoản thâm hụt được quyết định bởi những chính sách tùy biến của chính phủ như quy định thuế suất, trợ cấp bảo hiểm xã hội hay quy mô chi tiêu cho giáo dục, quốc phòng...

- *Thâm hụt chu kỳ*: là các khoản thâm hụt gây ra bởi tình trạng của chu kỳ kinh tế, nghĩa là mức độ cao hay thấp của sản lượng và thu nhập quốc dân. VD: khi nền kinh tế suy thoái, tỷ lệ thất nghiệp tăng sẽ dẫn đến thu ngân sách từ thuế giảm xuống trong khi chi ngân sách cho trợ cấp thất nghiệp tăng lên.

2. Nguyên nhân dẫn đến thâm hụt ngân sách nhà nước.

Dựa vào 2 loại thâm hụt trên có thể rút ra 2 nguyên nhân cơ bản gây ra thâm hụt ngân sách nhà nước:

- Nhóm nguyên nhân thứ nhất là tác động của chính sách cơ cấu thu chi của nhà nước. Khi nhà nước thực hiện chính sách đẩy mạnh đầu tư, kích thích tiêu dùng sẽ làm tăng mức thâm hụt ngân sách nhà nước. Ngược lại, thực hiện chính sách giảm đầu tư và tiêu dùng của nhà nước thì mức thâm hụt ngân sách nhà nước sẽ giảm bớt. Mức thâm hụt do tác động của chính sách cơ cấu thu chi gây ra gọi là thâm hụt cơ cấu.

- Nhóm nguyên nhân thứ hai là tác động của chu kỳ kinh doanh. Khủng hoảng làm cho thu nhập của nhà nước co lại, nhưng nhu cầu chi lại tăng lên, để giải quyết những khó khăn mới về kinh tế của xã hội. Điều đó làm cho mức thâm hụt ngân sách tăng lên. Ở giai đoạn kinh tế phồn thịnh, thu của nhà nước sẽ tăng lên, trong khi chi không phải tăng tương ứng. Điều đó làm giảm mức thâm hụt ngân sách nhà nước. Mức thâm hụt do tác động của chu kỳ kinh doanh gây ra được gọi là thâm hụt chu kỳ.

3. Ảnh hưởng của thâm hụt ngân sách tới nền kinh tế.

Thâm hụt ngân sách nhà nước sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nếu không có biện pháp xử lý đúng đắn. Nguyên nhân phổ biến gây ra thâm hụt ngân sách ở hầu hết các nước trên thế giới, từ những nước chưa phát triển cho đến những nước có nền kinh tế phát triển, đó là nhu cầu chi tiêu và thực tế nhà nước không thể cắt giảm mà ngày càng tăng lên, trong khi đó việc tăng thu ngân sách bằng công cụ thuế sẽ dẫn đến sự phản hồi từ phía dân cư và các tổ chức kinh tế - xã hội. Và hậu quả là kìm hãm tốc độ tích lũy vốn cho sản xuất, hạn chế tiêu dùng dẫn đến khả năng

suy thoái nền kinh tế cao. Đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước nghèo thì thâm hụt ngân sách không thể tránh khỏi. Bởi tình trạng thu nhập bình quân đầu người quá thấp không cho phép chính phủ tăng tỷ lệ đóng viên từ GDP vào ngân sách nhà nước, trong khi đó nhu cầu chi tiêu theo chức năng của chính phủ lại tăng lên, nhất là khi nhà nước thực hiện chương trình đầu tư nhằm cải thiện cơ cấu kinh tế và hướng dẫn sự tăng trưởng.

Thực tế cho thấy, thâm hụt ngân sách không có nguồn bù đắp hợp lý sẽ dẫn tới lạm phát, gây tác hại xấu đối với nền kinh tế cũng như đời sống xã hội. Nếu thâm hụt ngân sách được bù đắp bằng cách phát hành thêm tiền vào lưu thông sẽ dẫn đến bùng nổ lạm phát.

Thâm hụt ngân sách không phải là hoàn toàn tiêu cực. Nếu thâm hụt ở một mức độ nhất định (dưới 5% so với tổng chi ngân sách trong năm) thì lại có tác dụng kích thích sản xuất phát triển. Vì thế ở những nước có nền kinh tế phát triển cao nhà nước vẫn chỉ cố gắng thu hẹp thâm hụt ngân sách chứ không loại trừ nó hoàn toàn. Nhưng cho dù thâm hụt ngân sách ở mức độ nào thì mọi chính phủ đều phải có biện pháp để kiểm soát và xử lý thâm hụt ngân sách.

4. Giải pháp khắc phục thâm hụt ngân sách nhà nước.

▪ Tăng thu giảm chi.

Đây là biện pháp cơ bản nhất mà chính phủ thường dùng để giảm thâm hụt ngân sách. Bằng quyền lực và nghĩa vụ của mình chính phủ tính toán để tăng các khoản thu và cắt giảm chi tiêu.

Tăng thu và giảm chi là biện pháp cổ truyền nhưng không phải bao giờ cũng thực hiện thành công được bởi vì ở đây xảy ra hai nghịch lý khó giải quyết. Một là: trong bối cảnh tỉ lệ tăng trưởng GDP chưa lớn sẽ ảnh hưởng đến khả năng đầu tư vào tiêu dùng ở khu vực tư nhân bị hạn chế, tức giảm động lực phát triển kinh tế. Hai là: khả năng giảm chi cũng có giới hạn nhất định, nếu giảm chi vượt quá giới hạn thì cũng ảnh hưởng không tốt đến quá trình phát triển xã hội.

Chính vì thế vấn đề đặt ra là chính phủ phải tính toán phí tăng thu và giảm chi như thế nào để gây ảnh hưởng ít nhất đến tăng trưởng kinh tế.

▪ Tăng thu.

Công tác thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo mức đóng viên vào ngân sách nhà nước hợp lý tăng nhanh tỉ trọng nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước tập trung thực hiện thu đúng, đủ, kịp thời theo các luật thuế nhằm động viên hợp lý, khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển và đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế chủ động ứng phó với các tác động của thị trường giá cả trong và ngoài nước; đồng thời đẩy mạnh thực hiện cải cách các thủ tục hành chính, hải quan và mở rộng cơ chế tự khai tự nộp tăng trách nhiệm người nộp thuế và cơ quan thu; tăng cường kiểm tra chống thất thu, nợ đọng tạo môi trường thuận lợi bình đẳng trong mọi doanh nghiệp của các thành phần kinh tế. Có cơ chế khuyến khích các cấp tăng thu được hưởng hợp lý kết quả tăng thu so với nhiệm vụ nhà nước giao theo quy định pháp luật. Kiên quyết hơn trong việc kiểm soát nguồn thu từ thuế, có biện pháp kiểm soát hiệu quả thì sẽ góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

Cần phải cải thiện các nguồn thu ngân sách tránh tình trạng ngân sách phụ thuộc quá nhiều. Tiến hành cải cách thuế, đặc biệt là thuế thu nhập cá nhân và thuế bất động sản. Điều chỉnh tăng

mức thuế xuất, thuế nhập đối với các hàng hóa tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu, điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu đối với một số nhóm mặt hàng thiết thực phục vụ sản xuất để góp phần bình ổn giá điều chỉnh tăng thuế xuất khẩu đối với hàng hóa là tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản...

- *Giảm chi.*

Triệt để tiết kiệm các khoản đầu tư công và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Đây là một giải pháp tuy mang tính tình thế, nhưng vô cùng quan trọng với mỗi quốc gia khi xảy ra thâm hụt ngân sách và xuất hiện lạm phát. Triệt để tiết kiệm các khoản đầu tư công có nghĩa là chi đầu tư vào những dự án mang tính chủ đạo, hiệu quả nhằm tạo ra những đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt những dự án chưa hoặc không hiệu quả thì phải cắt giảm, thậm chí không đầu tư. Mặt khác bên cạnh việc triệt để tiết kiệm các khoản thu đầu tư công, những khoản chi thường xuyên của nhưng cơ quan nhà nước cũng phải cắt giảm nếu những khoản chi này không hiệu quả và chưa thực sự cần thiết.

- ❖ *Biện pháp vay nợ.*

- *Vay nợ trong nước.*

Vay trong nước được chính phủ thực hiện dưới hình thức phát hành công trái, trái phiếu. Công trái, trái phiếu là những chứng chỉ ghi nhận nợ của nhà nước, là một loại chứng khoán hay trái khoán do nhà nước phát hành để vay các dân cư, các tổ chức kinh tế xã hội và ngân hàng. Ở Việt Nam chính phủ thường ủy nhiệm cho kho bạc nhà nước phát hành trái phiếu dưới các hình thức tín phiếu kho bạc và trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình.

- *Ưu điểm:* Đây là biện pháp cho phép chính phủ có thể giảm thâm hụt ngân sách mà không cần phải tăng cơ sở tiền tệ hoặc giảm dự trữ quốc tế. Vì vậy, biện pháp này được coi là một cách hiệu quả để kiềm chế lạm phát.

- *Nhược điểm:* Việc khắc phục thâm hụt ngân sách bằng nợ tuy không gây ra lạm phát trước mắt nhưng nó lại có thể làm tăng áp lực lạm phát trong tương lai nếu như tỷ lệ nợ trong GDP liên tục tăng. Thứ nữa, việc vay từ dân trực tiếp sẽ làm giảm khả năng khu vực tư nhân trong việc tiếp cận tín dụng và gây sức ép làm tăng lãi suất trong nước.

Đặc biệt, ở những nước trải qua giai đoạn lạm phát cao (như nước ta hiện nay), giá trị thực của trái phiếu chính phủ giảm nhanh chóng, làm cho chúng trở nên ít hấp dẫn. Chính phủ có thể sử dụng quyền lực của mình để buộc các chủ thể khác trong nền kinh tế phải giữ trái phiếu. Tuy nhiên, nếu việc làm này kéo dài sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của chính phủ và khiến cho việc huy động vốn thông qua kênh này sẽ trở nên khó khăn hơn vào các năm sau.

- *Vay nợ nước ngoài.*

Chính phủ có thể giảm thâm hụt ngân sách bằng các nguồn vốn nước ngoài thông qua việc nhận viện trợ nước ngoài hoặc vay nợ nước ngoài từ các chính phủ nước ngoài, các định chế tài chính thế giới như ngân hàng thế giới(WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), các tổ chức liên chính phủ, tổ chức quốc tế ...

Viện trợ nước ngoài là nguồn vốn phát triển của các chính phủ, các tổ chức nhằm thực hiện các chương trình hợp tác phát triển kinh tế xã hội và hiện nay chủ yếu là nguồn vốn phát triển chính thức ODA.

Vay nợ nước ngoài có thể thực hiện dưới các hình thức: phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ mạnh ra nước ngoài, vay bằng hình thức tín dụng ...

- *Ưu điểm*: Nó là một biện pháp giảm thâm hụt ngân sách hữu hiệu, có thể bù đắp được các khoản thâm hụt mà lại không gây sức ép lạm phát cho nền kinh tế. Đây cũng là một nguồn vốn quan trọng bổ sung cho nguồn vốn thiếu hụt trong nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- *Nhược điểm*: Nó sẽ khiến chi gánh nặng nợ nần, nghĩa vụ trả nợ tăng lên, giảm khả năng chi tiêu cho chính phủ. Đồng thời, nó cũng dễ khiến cho nền kinh tế trở nên bị phụ thuộc vào nước ngoài. Thậm chí, nhiều khoản vay, khoản viện trợ còn đòi hỏi kèm theo đó là nhiều các điều khoản về chính trị, quân sự, kinh tế khiến cho các nước đi vay bị phụ thuộc nhiều.

❖ *Sử dụng dự trữ ngoại tệ:*

Quỹ dự trữ ngoại tệ là lượng ngoại tệ mà ngân hàng trung ương hoặc cơ quan hữu trách tiền tệ của một quốc gia hoặc một lãnh thổ nắm giữ dưới dạng ngoại tệ nhằm thanh toán quốc tế hoặc hỗ trợ đồng tiền quốc gia.

Chính phủ có thể sử dụng việc giảm dự trữ ngoại tệ để tài trợ thâm hụt ngân sách.

Ưu điểm của việc này là dự trữ hợp lý có thể giúp quốc gia tránh được khủng hoảng.

Tuy nhiên, việc sử dụng quỹ dự trữ ngoại tệ để tài trợ thâm hụt ngân sách lại tiềm ẩn nhiều rủi ro và phải hết sức hạn chế sử dụng

❖ *Vay ngân hàng (in tiền).*

Chính phủ khi bị thâm hụt ngân hàng sẽ đi vay ngân hàng trung ương để bù đắp. Đáp ứng nhu cầu này, ngân hàng trung ương sẽ tăng việc in tiền. Điều này sẽ tạo ra thêm cơ sở tiền tệ. Chính vì vậy, nó được gọi là tiền tệ hóa thâm hụt.

- *Ưu điểm*: Nhu cầu tiền để bù đắp ngân sách nhà nước được đáp ứng một cách nhanh chóng, không phải trả lãi, không phải gánh thêm các gánh nặng nợ nần.

- *Nhược điểm*: Việc in thêm và phát hành thêm tiền sẽ khiến cho cung tiền vượt cầu tiền. Nó đẩy cho việc lạm phát trở nên không thể kiểm soát nổi.

❖ *Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước.*

Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước nhằm bình ổn giá cả, ổn định chính sách kinh tế vĩ mô và nâng cao hiệu quả hoạt động trong các khâu của nền kinh tế. Để thực hiện vai trò của mình, nhà nước sử dụng một hệ thống chính sách và công cụ quản lý vĩ mô để điều khiển, tác động vào đời sống kinh tế - xã hội, nhằm giải quyết các mối quan hệ trong nền kinh tế cũng như đời sống xã hội, nhất là mối quan hệ tăng trưởng và công bằng xã hội. Giữa tăng trưởng kinh tế với giữ gìn môi trường v.v.. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, khi lạm phát là một vấn nạn của các nước trên thế giới, vấn đề tăng cường vai trò quản lý của các nước trên thế giới, vấn đề tăng cường vai trò quản lý của nhà nước đối với quản lý ngân sách nhà nước nói chung và xử lý thâm hụt ngân sách nói riêng có ý nghĩa vô cùng cấp thiết.

5. Giải pháp khắc phục thâm hụt ngân sách nhà nước hiệu quả đối với Việt Nam hiện nay.

Xử lý thâm hụt ngân sách nhà nước (NSNN) là một vấn đề nhạy cảm, bởi nó không chỉ tác động trực tiếp đối với nền kinh tế mà còn tác động đến sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang có những biến động lớn như: giá dầu tăng cao, khủng hoảng tài chính tại Mỹ, tình trạng lạm phát diễn ra nhiều nước trên thế giới, vấn đề kiềm chế lạm phát đặt ra vô cùng cấp bách không chỉ ở Việt Nam. Vậy xử lý thâm hụt NSNN như thế nào để ổn định vĩ mô, thực hiện hiệu quả các mục tiêu chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế và kiềm chế lạm phát hiện nay?

Để kiềm chế lạm phát cũng như sự suy thoái của nền kinh tế, ngoài các biện pháp mà Chính phủ, các bộ, ngành đang thực thi, vấn đề quản lý chặt tình hình chi NSNN như: chi thường xuyên của các cơ quan nhà nước, đầu tư công... thông qua việc xử lý thâm hụt NSNN là vô cùng cấp thiết và có ý nghĩa rất quan trọng. Vì vậy tăng cường vai trò quản lý của nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội cũng như vấn đề thu chi ngân sách là giải pháp quan trọng đối với thực trạng tại Việt Nam hiện nay.

Nước ta là một nước đang trong đà phát triển, nền kinh tế còn nhiều khó khăn và thường xuyên phải chịu ảnh hưởng từ những tác động bên ngoài. Sự suy giảm kinh tế toàn cầu bắt đầu từ suy thoái kinh tế Mỹ cũng đổ bộ và gây ảnh hưởng lớn đến Việt Nam. Vấn đề thu chi ngân sách chưa được quản lý triệt để dẫn đến tình trạng lạm phát kéo dài, gây tác động xấu tới sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung. Môi trường kinh tế vĩ mô đã trở nên kém ổn định. Vì vậy, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cũng như khả năng thu hút đầu tư của khu vực tư nhân trong nước cũng bị hạn chế. Cũng như những nút thắt cổ chai của các đầu vào cho sản xuất. Cụ thể là những hạn chế về kết cấu hạ tầng, điện, nguồn nhân lực.

Vì vậy, Chính phủ Việt Nam cần có những chính sách quản lý hợp lý, đặc biệt là quản lý chặt chẽ thu chi ngân sách để duy trì ổn định kinh tế vĩ mô tốt hơn, đề ra chính sách hữu hiệu để kiềm chế tỷ lệ lạm phát, vốn đang khá cao và ảnh hưởng đến đời sống cũng như sức mua của người dân. Thứ hai, Chính phủ Việt Nam cần nghiêm túc thúc đẩy cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, nâng cao tỷ lệ cạnh tranh với kinh tế toàn cầu.

